

SỞ NỘI VỤ HÀ TĨNH
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
VIỆC LÀM HÀ TĨNH

Số : 432 /TTDVVL -KHTC, TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách bổ sung năm 2025
của Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 4019/QĐ-SNV ngày 25 ngày 06 năm 2025 của Sở Nội vụ về việc bổ sung dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch -Tài chính,Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung ngân sách năm 2025 của Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Kế hoạch Tài chính và các Phòng liên quan thuộc trung tâm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu :VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thanh Hương

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
*(Kèm theo Quyết định số 432/TTĐVVL-KHTC, TH ngày 25/06/2025
Của Giám đốc Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Tĩnh)*

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ</i>	
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	2.000
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.000
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	

6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	<i>Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững năm 2023</i>	
	- Ngân sách trung ương	
	- Ngân sách tỉnh	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	<i>(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)</i>	